

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27-7-2022

V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mến

2. Ông Võ Trọng Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1997; Thường trú: Số nhà B đường số C, thôn M, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức Ch, sinh năm 1980; Thường trú: Số nhà H, đường số B, thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1960; Thường trú: Số nhà H, đường số B, thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Chị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Ch, bà Ph vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân H trình bày:

Chị H và anh Nguyễn Đức Ch được mai mối và tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 03 tháng thì tổ chức lễ cưới, năm 2017 đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 28/8/2017.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại nhà cha mẹ chồng, địa chỉ Số nhà H, đường số B, thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Ch thường xuyên đánh đập, chửi bới chị. Tháng 11/2021, anh Ch đánh chị rồi đuổi về nhà mẹ ruột ở, mẹ chồng chị hòa theo cũng đuổi chị đi. Chị H về nhà mẹ ruột tại địa chỉ số nhà B đường số C, tổ B, thôn M, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận ở từ đó cho đến nay. Anh Ch không qua lại hay đến nhà mẹ chị H đón chị về. Vợ chồng cũng ly thân từ đó, không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy, chị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đức Ch.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện, chị H không đề cập đến. Tuy nhiên, trong đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 11/01/2022 chị H gửi đến Tòa án vào ngày 06/4/2022, chị H có yêu cầu giải quyết về tài sản chung như sau: Vào khoảng tháng 9/2017, vợ chồng chị H tổ chức đám cưới được họ hàng và gia đình hai bên cho 01 số vàng cưới. Ngay sau đám cưới, trong tháng 9/2017, vợ chồng đưa số vàng đó cho mẹ chồng là Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1960, địa chỉ Số nhà H, đường số B, thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận bán giùm và được mẹ chồng thông báo cho vợ chồng chị và cha mẹ ruột của chị biết bán được 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), bà Ph nói sẽ gửi Ngân hàng để dành cho vợ chồng chị. Tuy nhiên chị không biết bà gửi Ngân hàng nào. Cho đến thời điểm chị về nhà mẹ ruột sinh sống, bà Ph cũng không đề cập gì đến tiền bạc và cũng không có ý định trả tiền cho vợ chồng chị.

Nay, chị yêu cầu giải quyết về tài sản vợ chồng khi ly hôn số tiền 60.000.000 đồng như sau: Buộc bà Ph trả lại cho chị H và anh Ch số tiền 60.000.000 đồng bà Ph đang giữ (gửi Ngân hàng), chia đôi 60.000.000 đồng, mỗi người nhận 01 nửa, tương đương với 30.000.000 đồng.

Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 04/5/2022, chị H có đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản khi ly hôn.

- Bị đơn anh Nguyễn Đức Ch, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Ph đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh Ch, bà Ph không đến Tòa án làm việc, không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ngày 19/4/2022, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Thị Xuân H và anh Nguyễn Đức Ch tại địa phương và được cung cấp: Chị H và anh Ch là vợ chồng, sau khi cưới có sinh sống tại địa chỉ Số nhà H, đường số B, thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Quá trình sinh sống tại địa phương, vợ chồng không có mâu thuẫn gì

ng nghiêm trọng cần địa phương can thiệp giải quyết. Khoảng cuối năm 2021, chị H về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay, anh Ch vẫn sinh sống tại đây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án: nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Vợ chồng chị H, anh Ch kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, do đó hôn nhân là hợp pháp. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H và anh Ch đã trầm trọng thể hiện ở việc từ cuối năm 2021, chị H đã về nhà mẹ ruột sinh sống, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng của chị H và anh Ch không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị H yêu cầu ly hôn cần chấp nhận; Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không xem xét giải quyết là có cơ sở; Về tài sản chung: Tại đơn rút 01 phần yêu cầu khởi kiện, chị H đã rút yêu cầu về phần chia tài sản khi ly hôn, vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết là có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 30/6/2022 và ngày 27/7/2022 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân H và anh Nguyễn Đức Ch có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 03 tháng thì tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 52 ngày 28/8/2017, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị Xuân H cho rằng anh Ch thường xuyên đánh đập, chửi bới chị. Tháng 11/2021, anh Ch đánh chị rồi đuổi về nhà mẹ ruột ở, mẹ chồng chị cũng đuổi chị đi. Chị H về nhà mẹ ruột tại địa chỉ số nhà B đường số C, tổ B, thôn M, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận ở từ đó cho đến nay. Anh Ch không qua lại hay đến nhà mẹ chị H đón chị về. Vợ chồng cũng ly

thân từ đó, không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy, chị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đức Ch.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Đức Ch đến làm việc để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Ch không có mặt. Bên cạnh đó, chị Nguyễn Thị Xuân H cũng có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải với anh Nguyễn Đức Ch. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của anh chị đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

[4] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc anh Nguyễn Đức Ch bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân, cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị H và anh Ch đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Nguyễn Thị Xuân H.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị H yêu cầu giải quyết buộc Bà Nguyễn Thị Ph trả lại cho chị và anh Ch số tiền 60.000.000 đồng bà Ph đang giữ (gửi Ngân hàng), chia đôi 60.000.000 đồng, mỗi người nhận 01 nửa, tương đương 30.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 04/5/2022, chị H có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn. Vì vậy, Tòa án đình chỉ phần yêu cầu này là phù hợp với quy định tại Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[7] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[8] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn và đình chỉ đối với yêu cầu tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn của chị Nguyễn Thị Xuân H đối với anh Nguyễn Đức Ch. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Xuân H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 144, 147, 217, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Xuân H đối với anh Nguyễn Đức Ch về việc ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân H được ly hôn với anh Nguyễn Đức Ch.

1.2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

1.3. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Xuân H đối với anh Nguyễn Đức Ch về tranh chấp chia tài sản khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009107 ngày 21/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Chị Nguyễn Thị Xuân H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Xuân H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009319 ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

4. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung